

Số: 45 /TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 7 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Quy định tổ chức thực hiện phong trào thi đua
"Chung sức xây dựng nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

| |
|----------------------------------|
| VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH |
| Số: 1524 |
| ĐẾN Ngày: 06/7/2015 |
| K. chuyên: Chu Thị Đạt |

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới";

Căn cứ Kết luận số 67-KL/TU ngày 09/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Quy định tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Chung sức xây dựng nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy định về tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Chung sức xây dựng nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung chính, như sau:

I. Tiêu chuẩn khen thưởng

1. Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Các sở, ban, ngành, đoàn thể được UBND tỉnh phân công chịu trách nhiệm từng tiêu chí nông thôn mới và phân công thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới với những tiêu chuẩn như sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, chỉ đạo, thực hiện, hướng dẫn giúp các địa phương hoàn thành các tiêu chí của ngành. Có kế hoạch cụ thể của ngành mình

để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới do ngành phụ trách; hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch chung của tỉnh đề ra hàng năm và từng giai đoạn;

- Bám sát thực tiễn, nghiên cứu bổ sung kịp thời các văn bản hướng dẫn và tham mưu cho UBND tỉnh đề ra các cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới;

- Các ngành thành viên trong Ban chỉ đạo được phân công chịu trách nhiệm từng tiêu chí phải làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; chủ động đăng ký với Ban chỉ đạo về việc hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, nhất là cơ sở, đồng thời có báo cáo định kỳ cho Ban Chỉ đạo tỉnh qua cơ quan Thường trực (Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh).

2. Đối với huyện:

- Xây dựng kế hoạch và triển khai có hiệu quả phong trào thi đua trên địa bàn, có nhiều cách làm sáng tạo; đề ra các nội dung, giải pháp sát đúng, phù hợp với tình hình và điều kiện của địa phương;

- Chủ động lựa chọn những tiêu chí được nhân dân đồng tình cao, thực hiện có hiệu quả cao để tập trung chỉ đạo, tạo được đột phá; kịp thời hỗ trợ và xử lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở các thôn, xã, hàng năm thực hiện đạt và vượt kế hoạch do Ban Chỉ đạo tỉnh giao, đề ra;

- Chấp hành tốt công tác thông tin, báo cáo (quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và đột xuất) theo quy định.

- Đến năm 2015, 2020 (theo giai đoạn), huyện phấn đấu đạt, vượt mục tiêu đăng ký và kế hoạch tỉnh giao.

- Là huyện tiêu biểu so với các huyện trong tỉnh.

Riêng thị xã Bỉm Sơn, thị xã Sầm Sơn vì có số xã xây dựng nông thôn mới ít, do đó căn cứ vào thành tích đạt được cụ thể của đơn vị để xét khen thưởng.

3. Đối với xã:

- Phải đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt được số tiêu chí cao nhất trong huyện, đồng thời là xã tiêu biểu trong nỗ lực xây dựng nông thôn mới;

- Có kế hoạch, lộ trình hàng năm và cả giai đoạn để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới ;

- Huy động được sự tham gia của đông đảo nhân dân, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội và các nguồn lực khác cho xây dựng nông thôn mới;

- Các xã không nằm trong danh sách về đích sớm nhưng đạt và vượt số tiêu chí theo kế hoạch do Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện đề ra với chất lượng tốt và là xã tiêu biểu trong nỗ lực xây dựng nông thôn mới.

4. Đối với thôn/bản:

Là các thôn/bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã miền núi (theo Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về phê duyệt danh sách đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135) thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; phải đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt được số tiêu chí cao nhất trong xã, đồng thời là thôn/bản tiêu biểu trong nỗ lực xây dựng nông thôn mới.

5. Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

Những tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có đóng góp lớn vào xây dựng nông thôn mới, đạt một trong các tiêu chuẩn:

a) Hỗ trợ trực tiếp cho 01 xã trở lên, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện từ 01 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trở lên, thuộc lĩnh vực liên kết sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo, xây dựng hạ tầng, cải thiện môi trường nông thôn; được Ban chỉ đạo hoặc Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn (huyện, xã) ghi nhận;

b) Có mức đóng góp, hỗ trợ cho xây dựng nông thôn mới từ 07 tỷ đồng trở lên (với khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thì có đóng góp tối thiểu từ 03 tỷ đồng trở lên).

6. Đối với cá nhân và hộ gia đình:

a) Cán bộ, công chức, viên chức bám sát cơ sở, có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc xây dựng cơ chế, chính sách hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn hoặc chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho cơ sở trong xây dựng nông thôn mới;

b) Các doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, các cá nhân ở trong và ngoài tỉnh, người Việt Nam định cư ở nước ngoài... có nhiều đóng góp về công sức, trí tuệ, vật chất, sáng kiến vào xây dựng nông thôn mới (gắn với địa chỉ và sản phẩm cụ thể);

c) Hộ gia đình nông thôn ngoài việc đóng góp công sức, vật chất, sáng kiến vào xây dựng nông thôn mới còn phải có thêm thành tích xây dựng, cải tạo nơi ở (nhà, công trình vệ sinh, ao vườn, tường rào, cổng ngõ) xanh, sạch, đẹp, môi trường đạt tiêu chuẩn, sản xuất giỏi cấp tỉnh, có thu nhập khá và giúp đỡ cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

II. Cơ cấu khen thưởng

1. Khen thưởng hàng năm (áp dụng từ năm 2015 đến 2020).

a) Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho:

- 01 huyện tiêu biểu dẫn đầu toàn tỉnh;
- 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới tiêu biểu, đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (8 huyện đồng bằng, 11 huyện miền núi và 8 huyện ven biển thị xã, thành phố);

b) Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho:

- 03 huyện đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua (không phải là huyện đã được tặng cờ thi đua);
- Mỗi huyện chọn 01 xã tiêu biểu (không phải là xã đã được tặng cờ thi đua);
- Mỗi huyện lựa chọn 02 thôn/bản tiêu biểu thuộc diện đặc biệt khó khăn;
- 03 tập thể là các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tiêu biểu;
- Mỗi huyện chọn 02 cá nhân và 01 hộ gia đình có thành tích xuất sắc;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể chọn 10 cá nhân có thành tích xuất sắc;

2. Khen thưởng giai đoạn.

2.1. Giai đoạn 2011 - 2015

a) Đối với cấp huyện:

- Tặng Cờ thi đua của Chính phủ và thưởng công trình phúc lợi cho 01 huyện có thành tích tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong toàn tỉnh.
- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 01 huyện tiêu biểu và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi;
- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 03 huyện đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua (không phải là huyện đã được tặng cờ thi đua) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi.

b) Đối với cấp xã:

- Xét chọn khoảng 5% số xã trong tỉnh tiêu biểu nhất đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và thưởng công trình phúc lợi (xã đề nghị khen thưởng phải là xã đạt chuẩn nông thôn mới).
- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới tiêu biểu, đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi;
- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 01 xã tiêu biểu (không phải là xã đã được tặng cờ thi đua).

c) Đối với thôn/bản:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 02 thôn/bản tiêu biểu thuộc diện đặc biệt khó khăn.

d) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các đơn vị tiêu biểu.

- Lựa chọn một số trong số tập thể tiêu biểu đủ điều kiện được tặng Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

đ) Đối với cá nhân, hộ gia đình

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 03 cá nhân và 02 hộ gia đình; mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh 02 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

- Lựa chọn một số trong số cá nhân có thành tích xuất sắc đủ điều kiện được tặng Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

e) Đối với các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 05 tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua;

2.2. Giai đoạn 2016 - 2020:

a) Đối với cấp huyện:

- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 01 huyện tiêu biểu và thưởng công trình phúc lợi;

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 03 huyện đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua (không phải là huyện đã được tặng cờ thi đua) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi.

b) Đối với cấp xã:

- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới tiêu biểu, đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi;

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 01 xã tiêu biểu (không phải là xã đã được tặng cờ thi đua).

c) Đối với thôn/bản:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 05 thôn/bản tiêu biểu thuộc diện đặc biệt khó khăn.

d) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các đơn vị tiêu biểu.

đ) Đối với cá nhân, hộ gia đình

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 05 cá nhân và 05 hộ gia đình; mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh 03 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

e) Đối với các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 10 tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua;

Lưu ý: Đối với huyện, xã, các đơn vị, cá nhân, hộ gia đình được đề nghị Trung ương khen thưởng thì không đề nghị tỉnh khen thưởng. Trường hợp đề nghị Trung ương khen thưởng nhưng không được, thì được tỉnh khen thưởng ở mức cao nhất theo đối tượng của quy định này.

III. Hình thức khen thưởng và mức thưởng.

1. Đối với huyện:

a) Khen thưởng hàng năm: Cờ thi đua của UBND tỉnh; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

- Cờ thi đua của Chính phủ và thưởng công trình phúc lợi trị giá 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) từ nguồn kinh phí của Trung ương;

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng);

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 – 2020:

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng);

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Đối với xã:

a) Khen thưởng hàng năm: Cờ thi đua của UBND tỉnh; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 – 2015:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và thưởng công trình phúc lợi trị giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) từ nguồn kinh phí của Trung ương.

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 – 2020:

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

3. Đối với thôn/bản.

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 – 2015:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 – 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Huân chương Lao động: Do Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương lựa chọn, đề nghị khen thưởng.

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 - 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

5. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Căn cứ vào tiêu chuẩn và thành tích cụ thể trong thực hiện phong trào thi đua đề nghị khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn:

+ Hỗ trợ trực tiếp cho 01 xã trở lên, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện từ 02 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trở lên, thuộc lĩnh vực liên kết sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo, xây dựng hạ tầng, cải thiện môi trường nông thôn; được Ban chỉ đạo hoặc Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn ghi nhận;

+ Có mức đóng góp cho xây dựng nông thôn mới từ 15 tỷ đồng trở lên (với khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thì có đóng góp tối thiểu từ 07 tỷ đồng trở lên).

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 - 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

6. Đối với cá nhân, hộ gia đình:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

c) Giai đoạn 2016 - 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

Căn cứ kế hoạch triển khai giai đoạn 2 (2016-2020) của Hội đồng thi đua khen thưởng Trung ương, tỉnh sẽ tổ chức thực hiện hình thức khen thưởng và mức thưởng cấp Trung ương theo quy định.

IV. Kinh phí khen thưởng, quản lý sử dụng kinh phí khen thưởng:

1. Kinh phí khen thưởng.

- Tiền thưởng được thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng, tiền thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và tiền thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi của tỉnh từ nguồn kinh phí thi đua - khen thưởng của tỉnh.

- Tiền thưởng công trình phúc lợi của Trung ương từ nguồn kinh phí của Trung ương.

2. Quản lý sử dụng kinh phí hỗ trợ công trình phúc lợi và kinh phí khen thưởng.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo sử dụng đúng mục đích kinh phí hỗ trợ công trình phúc lợi và kinh phí khen thưởng của đơn vị mình và hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ công trình phúc lợi, kinh phí khen thưởng của các xã, thôn, bản thuộc đơn vị đúng mục đích, có hiệu quả.

(Có bản dự trù kinh phí kèm theo)

V. Thời gian thực hiện: Từ năm 2015 đến hết năm 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, PqNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

The image shows a circular official seal of the Provincial People's Committee. The seal contains the text 'HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH' and 'HUYỆN QUẢNG TRUNG'. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Đình Xứng

BẢNG DỰ TRÙ KINH PHÍ KHEN THƯỞNG
PHONG TRAO THI ĐUA "CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI"
(Ban hành kèm theo Tờ trình số: 45 /TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Khen thưởng hàng năm

| TT | Cơ cấu khen thưởng | Số lượng | Mức thưởng | Thành tiền |
|----|---|----------|------------|--------------------|
| 1 | Cờ Thi đua tỉnh cho huyện | 01 | 17.830.000 | 17.830.000 |
| 2 | Cờ Thi đua tỉnh cho xã | 03 | 17.830.000 | 53.490.000 |
| 3 | Bảng khen tỉnh cho huyện | 03 | 2.300.000 | 6.900.000 |
| 4 | Bảng khen tỉnh cho xã | 27 | 2.300.000 | 62.100.000 |
| 5 | Bảng khen tỉnh cho thôn, bản | 36 | 2.300.000 | 82.800.000 |
| 6 | Bảng khen cho tập thể Sở, ban, ngành cấp tỉnh | 03 | 2.300.000 | 6.900.000 |
| 7 | Bảng khen cho doanh nghiệp | 10 | 2.300.000 | 23.000.000 |
| 8 | Bảng khen cho hộ gia đình | 27 | 2.300.000 | 62.100.000 |
| 9 | Bảng khen tỉnh cho cá nhân | 64 | 1.150.000 | 73.600.000 |
| | Tổng | | | 388.720.000 |

2. Khen thưởng giai đoạn 2011 - 2015

| TT | Cơ cấu khen thưởng | Số lượng | Mức thưởng | Thành tiền |
|----|---|----------|---------------|-----------------------|
| 1 | Cờ Thi đua tỉnh cho huyện | 01 | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| 2 | Cờ Thi đua tỉnh cho xã | 03 | 500.000.000 | 1.500.000.000 |
| 3 | Bảng khen tỉnh cho huyện | 03 | 500.000.000 | 1.500.000.000 |
| 4 | Bảng khen tỉnh cho xã | 27 | 100.000.000 | 2.700.000.000 |
| 5 | Bảng khen tỉnh cho thôn, bản | 36 | 50.000.000 | 1.800.000.000 |
| 6 | Bảng khen cho tập thể Sở ban ngành cấp tỉnh | 05 | 2.300.000 | 11.500.000 |
| 7 | Bảng khen cho doanh nghiệp | 10 | 2.300.000 | 23.000.000 |
| 8 | Bảng khen cho hộ gia đình | 54 | 2.300.000 | 124.200.000 |
| 9 | Bảng khen tỉnh cho cá nhân | 209 | 1.150.000 | 240.350.000 |
| | Tổng | | | 10.899.050.000 |

3. Khen thưởng giai đoạn 2016 - 2020

| TT | Cơ cấu khen thưởng | Số lượng | Mức thưởng | Thành tiền |
|----|---|----------|---------------|-----------------------|
| 1 | Cờ Thi đua tỉnh cho huyện | 01 | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| 2 | Cờ Thi đua tỉnh cho xã | 03 | 500.000.000 | 1.500.000.000 |
| 3 | Bằng khen tỉnh cho huyện | 03 | 500.000.000 | 1.500.000.000 |
| 4 | Bằng khen tỉnh cho xã | 27 | 100.000.000 | 2.700.000.000 |
| 5 | Bằng khen tỉnh cho thôn, bản | 90 | 50.000.000 | 4.500.000.000 |
| 6 | Bằng khen cho tập thể Sở, ban, ngành cấp tỉnh | 10 | 2.300.000 | 23.000.000 |
| 7 | Bằng khen cho doanh nghiệp | 10 | 2.300.000 | 23.000.000 |
| 8 | Bằng khen cho hộ gia đình | 135 | 2.300.000 | 310.500.000 |
| 9 | Bằng khen tỉnh cho cá nhân | 327 | 1.150.000 | 376.050.000 |
| | Tổng | | | 13.932.550.000 |

Số: *11021* STP -XDVB
Về việc thẩm định
dự thảo Nghị Quyết

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 7 năm 2015

Kính gửi: Ban thi đua khen thưởng tỉnh Thanh Hóa.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 350/TTr-BTĐKT ngày 01/7/2015 của quý đơn vị về việc thẩm định 02 dự thảo:

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh về tổ chức thực hiện phong trào thi đua "chung sức xây dựng nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

2. Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định về tổ chức thực hiện phong trào thi đua "chung sức xây dựng nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Sau khi nghiên cứu các dự thảo văn bản, căn cứ các quy định của pháp luật, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp thấy về cơ bản nội dung của 02 văn bản giống hệt nhau (chỉ khác nhau về bố cục các nội dung). Cả 02 văn bản này điều chỉnh 02 vấn đề:

- Một là, quy định đối tượng tham gia phong trào thi đua; nội dung thi đua; tiêu chuẩn, hình thức khen thưởng.

- Hai là, trị giá mức thưởng công trình phúc lợi.

Đối với vấn đề thứ nhất:

Theo quy định tại Quyết định số 1620/QĐ-TTG ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" thì Quyết định giao cho UBND cấp tỉnh triển khai thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Vì vậy, việc UBND tỉnh ban hành văn bản để điều chỉnh vấn đề này là cần thiết và phù hợp thẩm quyền.

Đối với vấn đề thứ hai:

Qua nghiên cứu thì nguồn kinh phí để thưởng trị giá công trình phúc lợi được lấy từ nguồn tiền thưởng công trình phúc lợi của trung ương và từ nguồn

kinh phí thi đua khen thưởng của tỉnh. Vì vậy, vấn đề này cần phải được HĐND tỉnh quyết định.

Từ các lý do nêu trên Sở Tư pháp đề nghị:

- Trước tiên, HĐND tỉnh chỉ ban hành Nghị quyết với trích yếu: "về việc thường hỗ trợ công trình phúc lợi trong việc thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá".

- Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, căn cứ các quy định của cấp trên và Nghị quyết này thì UBND tỉnh ban hành văn bản quy định về đối tượng tham gia phong trào thi đua; nội dung thi đua; tiêu chuẩn, hình thức khen thưởng, mức thưởng sẽ phù hợp hơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: XDVB- VT.

GIÁM ĐỐC



Bùi Đình Sơn

Số: /2015/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2015

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy định tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”;

Căn cứ Kết luận số 67-KL/TU ngày 09/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy định về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Sau khi xem xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá; Báo cáo thẩm tra số/KTNS-HĐND ngày / /2015 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến tham gia của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính, như sau:

I. Tiêu chuẩn khen thưởng

1. Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Các sở, ban, ngành, đoàn thể được UBND tỉnh phân công chịu trách nhiệm từng tiêu chí nông thôn mới và phân công thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới với những tiêu chuẩn như sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, chỉ đạo, thực hiện, hướng dẫn giúp các địa phương hoàn thành các tiêu chí của ngành. Có kế hoạch cụ thể của ngành mình để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới do ngành phụ trách; hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch chung của tỉnh đề ra hàng năm và từng giai đoạn;

- Bám sát thực tiễn, nghiên cứu bổ sung kịp thời các văn bản hướng dẫn và tham mưu cho UBND tỉnh đề ra các cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới;

- Các ngành thành viên trong Ban chỉ đạo được phân công chịu trách nhiệm từng tiêu chí phải làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; chủ động đăng ký với Ban chỉ đạo về việc hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, nhất là cơ sở, đồng thời có báo cáo định kỳ cho Ban Chỉ đạo tỉnh qua cơ quan Thường trực (Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh).

2. Đối với huyện:

- Xây dựng kế hoạch và triển khai có hiệu quả phong trào thi đua trên địa bàn, có nhiều cách làm sáng tạo; đề ra các nội dung, giải pháp sát đúng, phù hợp với tình hình và điều kiện của địa phương;

- Chủ động lựa chọn những tiêu chí được nhân dân đồng tình cao, thực hiện có hiệu quả cao để tập trung chỉ đạo, tạo được đột phá; kịp thời hỗ trợ và xử lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở các thôn, xã, hàng năm thực hiện đạt và vượt kế hoạch do Ban Chỉ đạo tỉnh giao, đề ra;

- Chấp hành tốt công tác thông tin, báo cáo (quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và đột xuất) theo quy định.

- Đến năm 2015, 2020 (theo giai đoạn), huyện phấn đấu đạt, vượt mục tiêu đăng ký và kế hoạch tỉnh giao.

- Là huyện tiêu biểu so với các huyện trong tỉnh.

Riêng thị xã Bỉm Sơn, thị xã Sầm Sơn vì có số xã xây dựng nông thôn mới ít, do đó căn cứ vào thành tích đạt được cụ thể của đơn vị để xét khen thưởng.

3. Đối với xã:

- Phải đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt được số tiêu chí cao nhất trong huyện, đồng thời là xã tiêu biểu trong nỗ lực xây dựng nông thôn mới;

- Có kế hoạch, lộ trình hàng năm và cả giai đoạn để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới ;

- Huy động được sự tham gia của đông đảo nhân dân, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội và các nguồn lực khác cho xây dựng nông thôn mới;

- Các xã không nằm trong danh sách về đích sớm nhưng đạt và vượt số tiêu chí theo kế hoạch do Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện đề ra với chất lượng tốt và là xã tiêu biểu trong nỗ lực xây dựng nông thôn mới.

4. Đối với thôn/ bản:

Là các thôn/bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã miền núi (theo Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về phê duyệt danh sách đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135) thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Phải đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt được số tiêu chí cao nhất trong xã, đồng thời là thôn/bản tiêu biểu trong nỗ lực xây dựng nông thôn mới.

5. Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

Những tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có đóng góp lớn vào xây dựng nông thôn mới, đạt một trong các tiêu chuẩn:

a) Hỗ trợ trực tiếp cho 01 xã trở lên, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện từ 01 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trở lên, thuộc lĩnh vực liên kết sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo, xây dựng hạ tầng, cải thiện môi trường nông thôn; được Ban chỉ đạo hoặc Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn (huyện, xã) ghi nhận;

b) Có mức đóng góp, hỗ trợ cho xây dựng nông thôn mới từ 07 tỷ đồng trở lên (với khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thì có đóng góp tối thiểu từ 03 tỷ đồng trở lên).

6. Đối với cá nhân và hộ gia đình:

a) Cán bộ, công chức, viên chức bám sát cơ sở, có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc xây dựng cơ chế, chính sách hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn hoặc chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho cơ sở trong xây dựng nông thôn mới;

b) Các doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, các cá nhân ở trong và ngoài tỉnh, người Việt Nam định cư ở nước ngoài ... có nhiều đóng góp về công sức, trí tuệ, vật chất, sáng kiến vào xây dựng nông thôn mới (gắn với địa chỉ và sản phẩm cụ thể);

c) Hộ gia đình nông thôn ngoài việc đóng góp công sức, vật chất, sáng kiến vào xây dựng nông thôn mới còn phải có thêm thành tích xây dựng, cải tạo nơi ở (nhà, công trình vệ sinh, ao vườn, tường rào, cổng ngõ) xanh, sạch, đẹp, môi trường đạt tiêu chuẩn, sản xuất giỏi cấp tỉnh, có thu nhập khá và giúp đỡ cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

II. Cơ cấu khen thưởng

1. Khen thưởng hàng năm (áp dụng từ năm 2015 đến 2020).

a) Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho:

- 01 huyện tiêu biểu dẫn đầu toàn tỉnh;

- 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới tiêu biểu, đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (8 huyện đồng bằng, 11 huyện miền núi và 8 huyện ven biển thị xã, thành phố);

b) Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho:

- 03 huyện đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua (không phải là huyện đã được tặng cờ thi đua);

- Mỗi huyện chọn 01 xã tiêu biểu (không phải là xã đã được tặng cờ thi đua);

- Mỗi huyện lựa chọn 02 thôn/bản tiêu biểu thuộc diện đặc biệt khó khăn;
- 03 tập thể là các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tiêu biểu;
- Mỗi huyện chọn 02 cá nhân và 01 hộ gia đình có thành tích xuất sắc;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể chọn 10 cá nhân có thành tích xuất sắc;

2. Khen thưởng giai đoạn

2.1. Giai đoạn 2011 – 2015

a) Đối với cấp huyện:

- Tặng Cờ thi đua của Chính phủ và thưởng công trình phúc lợi cho 01 huyện có thành tích tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong toàn tỉnh.

- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 01 huyện tiêu biểu và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi;

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 03 huyện đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua (không phải là huyện đã được tặng cờ thi đua) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi.

b) Đối với cấp xã:

- Xét chọn khoảng 5% số xã trong tỉnh tiêu biểu nhất đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và thưởng công trình phúc lợi (xã đề nghị khen thưởng phải là xã đạt chuẩn nông thôn mới).

- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới tiêu biểu, đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi;

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 01 xã tiêu biểu (không phải là xã đã được tặng cờ thi đua).

c) Đối với thôn/bản:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 02 thôn/bản tiêu biểu thuộc diện đặc biệt khó khăn.

d) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các đơn vị tiêu biểu.

- Lựa chọn một số trong số tập thể tiêu biểu đủ điều kiện được tặng Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

đ) Đối với cá nhân, hộ gia đình

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 03 cá nhân và 02 hộ gia đình; mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh 02 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

- Lựa chọn một số trong số cá nhân có thành tích xuất sắc đủ điều kiện được tặng Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

e) Đối với các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 05 tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua;

2.2. Giai đoạn 2016 - 2020:

a) Đối với cấp huyện:

- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 01 huyện tiêu biểu và thưởng công trình phúc lợi;

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 03 huyện đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua (không phải là huyện đã được tặng cờ thi đua) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi.

b) Đối với cấp xã:

- Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới tiêu biểu, đại diện cho 03 vùng, miền của tỉnh (đồng bằng; miền núi; thị xã, thành phố, ven biển) và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi;

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 01 xã tiêu biểu (không phải là xã đã được tặng cờ thi đua).

c) Đối với thôn/bản:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 05 thôn/bản tiêu biểu thuộc diện đặc biệt khó khăn.

d) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các đơn vị tiêu biểu.

đ) Đối với cá nhân, hộ gia đình

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho mỗi huyện 05 cá nhân và 05 hộ gia đình; mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh 03 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

e) Đối với các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh:

Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 10 tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua;

Lưu ý: Đối với huyện, xã, các đơn vị, cá nhân, hộ gia đình được đề nghị Trung ương khen thưởng thì không đề nghị tỉnh khen thưởng. Trường hợp đề nghị Trung ương khen thưởng nhưng không được, thì được tỉnh khen thưởng ở mức cao nhất theo đối tượng của quy định này.

III. Hình thức khen thưởng và mức thưởng.

1. Đối với huyện:

a) Khen thưởng hàng năm: Cờ thi đua của UBND tỉnh; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 – 2015:

- Cờ thi đua của Chính phủ và thưởng công trình phúc lợi trị giá 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng, từ nguồn kinh phí của Trung ương);

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng);

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 – 2020:

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng);

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Đối với xã:

a) Khen thưởng hàng năm: Cờ thi đua của UBND tỉnh; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 – 2015:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và thưởng công trình phúc lợi trị giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng, từ nguồn kinh phí của Trung ương)

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 – 2020:

- Cờ thi đua của UBND tỉnh và thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

3. Đối với thôn/bản

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 – 2015:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 – 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thưởng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Huân chương Lao động: Do Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương lựa chọn, đề nghị khen thưởng.

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 - 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

5. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Căn cứ vào tiêu chuẩn và thành tích cụ thể trong thực hiện phong trào thi đua đề nghị khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn:

+ Hỗ trợ trực tiếp cho 01 xã trở lên, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện từ 02 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trở lên, thuộc lĩnh vực liên kết sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo, xây dựng hạ tầng, cải thiện môi trường nông thôn; được Ban chỉ đạo hoặc Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn ghi nhận;

+ Có mức đóng góp cho xây dựng nông thôn mới từ 15 tỷ đồng trở lên (với khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thì có đóng góp tối thiểu từ 07 tỷ đồng trở lên).

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

c) Khen thưởng theo giai đoạn 2016 - 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

6. Đối với cá nhân, hộ gia đình:

a) Khen thưởng hàng năm: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

b) Khen thưởng theo giai đoạn 2011 - 2015:

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

c) Giai đoạn 2016 - 2020:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Mức thưởng thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

IV. Kinh phí khen thưởng, quản lý sử dụng kinh phí khen thưởng:

1. Kinh phí khen thưởng .

- Tiền thưởng được thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng, tiền thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và tiền thưởng hỗ trợ công trình phúc lợi của tỉnh từ nguồn kinh phí thi đua - Khen thưởng của tỉnh.

- Tiền thưởng công trình phúc lợi của Trung ương từ nguồn kinh phí của Trung ương.

2. Quản lý sử dụng kinh phí hỗ trợ công trình phúc lợi và kinh phí khen thưởng.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo sử dụng đúng mục đích kinh phí hỗ trợ công trình phúc lợi và kinh phí khen thưởng của đơn vị mình và hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ công trình phúc lợi, kinh phí khen thưởng của các xã, thôn, bản thuộc đơn vị đúng mục đích, có hiệu quả.

V. Thời gian thực hiện: Từ năm 2015-2020.

Điều 2. Giao Ủy ban Nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, quy định cụ thể và tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng Nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân và đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh khoá XVI, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày tháng năm 2015./.

Nơi nhận:

- Văn phòng: QH, CTN, CP;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến